

Bản án: 23/2021/HS-ST

Ngày: 01/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thạch Hùng

Các Hội thẩm Nhân Dân:

Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên toà: Ông Thái Hoàng Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:
Ông Lương Đình Nam - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2020/QĐXXST-HS ngày 28/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cụt Thị O; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1988, tại huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ mú; tôn giáo: Không; con ông Cụt Khăm B, sinh năm 1953 và bà Cụt Mẹ B (đã chết); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam, và bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 01/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 3 - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Lương Mẹ N, sinh năm 1980; trú tại: Bản B, xã L, huyện K, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Chị Lô Thị M, sinh năm 1986; trú tại: Bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Anh Xeo Văn K; Địa chỉ: Khôi 5, thị trấn X, huyện K, tỉnh Nghệ An - Cán bộ Phòng PA02, Công an tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013 Cụt Thị O, trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An, bị hai người phụ nữ (Không xác định tên, địa chỉ) lừa đưa sang Trung Quốc bán rồi lấy chồng và sinh sống tại đây. Vào cuối năm 2016, khi đang ở nhà chồng tại Trung Quốc, Cụt Thị O gọi điện thoại về Việt Nam cho chị gái là Cụt Thị H, trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An, hỏi thăm sức khỏe gia đình. Khi O và H đang nói chuyện điện thoại với nhau, lúc này có Lô Thị M, sinh năm 1986 trú tại: bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An đến nhà H chơi, biết H đang nói chuyện điện thoại với O nên M đã chủ động nói H cho mượn điện thoại để nói chuyện với O, vì cả hai có quen biết từ trước. H đồng ý. Sau khi cầm điện thoại, M đi ra khu vực đoạn đường trước nhà của H và nói với O: “Chị muốn đi sang Trung Quốc lấy chồng và lấy ba vạn nhân dân tệ tiền Trung Quốc, tương đương với 90.000.000 đồng tiền Việt Nam, còn em bán chị được bao nhiêu thì tùy em”. O đồng ý và hẹn sẽ về Việt Nam đón M sang Trung Quốc. Sau đó, M trở về nhà thì nhận được thông tin Lương Mẹ N, sinh năm 1980 trú tại bản B, xã L, huyện K, tỉnh Nghệ An, (người mà M quen biết trong quá trình cùng chấp hành án phạt tù tại trại giam Đồng Sơn – Bộ Công an, đã chấp hành xong bản án được trả tự do, nên Lô Thị M đến trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình, đón Lương Mẹ N về nhà của M chơi). Trong quá trình chấp hành án phạt tù cùng nhau, M đã rủ chị N đi Trung Quốc lấy chồng và N đồng ý. Sau đó, Mai tiếp tục gọi điện thoại cho O nói: “Em về Việt Nam, chị có thêm một người khách muốn đi Trung Quốc lấy chồng, em bán được từng nào thì tùy em”. O đồng ý. Khoảng mười ngày sau, O từ Trung Quốc trở về nhà tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An và đi đến nhà Lô Thị M. Tại đây, M giới thiệu N với O và tiếp tục đặt vấn đề muốn O đưa M và N đi Trung Quốc lấy chồng như đã thỏa thuận trước đó. O đồng ý. Khoảng bốn ngày sau, O thuê hai người xe lai (Không xác định tên, địa chỉ) chở O, M và N ra ngã ba bản T, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An, rồi bắt xe khách đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. O đưa M, N đi thuyền vượt biên sang Trung Quốc, đến nhà chồng của O tại xã Lai Meo, huyện Lê Năn, Trung Quốc. Khoảng sáu ngày sau, O bán Lô Thị M cho một người đàn ông Trung Quốc (Không xác định tên, địa chỉ) lấy làm vợ với số tiền 6 vạn nhân dân tệ (Tương đương 180.000.000 đồng), rồi đưa cho M số tiền 5 nghìn nhân dân tệ (Tương đương 15.000.000 đồng) nhưng M không nhận mà đi về nhà chồng ở Trung Quốc. Khoảng mười ngày sau, O tiếp tục bán N cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Hà Văn L (Không xác định địa chỉ) với số tiền 6,5 vạn nhân dân tệ (Tương đương 195.000.000 đồng) và đã đưa cho N số tiền 5 nghìn nhân dân tệ (Tương đương 15.000.000 đồng). Đến tháng 7 năm 2017 và tháng 9 năm 2017, Lô Thị M và Lương Mẹ N lần lượt đều từ Trung Quốc trở về Việt Nam. Ngày 01/8/2020, Lô Thị M và Lương Mẹ N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Nghệ An để tố cáo Cụt Thị O về hành vi mua bán người. Ngày 01/8/2020, Oanh bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Nghệ An, ra lệnh bắt tạm giam. Tại Cơ quan điều tra Cụt Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Đối với số tiền thu lợi bất chính 360.000.000 đồng, Cụt Thị O đã tiêu xài cá nhân hết; 01 chiếc điện thoại mà Cụt Thị O dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về Dân sự: Chị Lô Thị M không yêu cầu đền bù gì; chị Lương Mẹ N yêu cầu Cụt Thị O đền bù 90.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 232/CT/VKS-P2 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Cụt Thị O về tội “Mua bán người” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Cụt Thị O từ 5 năm đến 6 năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 586; 592 Bộ luật dân sự Bộ luật Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại. Buộc bị cáo Cụt Thị O phải bồi thường cho chị Lương Mẹ N 90.000.000 đồng, nhưng trừ đi tiền chị N đã nhận trước 15.000.000 đồng. Còn 75.000.000 đồng phải tiếp tục bồi thường.

Người bào chữa cho bị cáo Cụt Thị O không tranh luận về chứng cứ, tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, do vậy xử phạt mức án cho bị cáo thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Bị cáo Cụt Thị O đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại chị Lương Mẹ N không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Yêu cầu Cụt Thị O đền bù 90.000.000 đồng nhưng trừ đi 15.000.000 đồng đã nhận trước.

Bị cáo Cụt Thị O nói lời sau cùng: Xin bồi thường theo yêu cầu cho chị Lương Mẹ N, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Cụt Thị O khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Sau khi biết được Lô Thị M và Lương Mẹ N, muốn sang Trung Quốc để lấy chồng, khoảng cuối năm 2013, Cụt Thị O từ Trung Quốc về nhà tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An, gặp chị M và chị N đồng ý sang Trung Quốc để lấy chồng, O bắt xe khách đưa chị M, chị N ra Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, rồi vượt biên sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch, đến nhà chồng của O tại xã Lai Meo, huyện Lê Năn, Trung Quốc. Sau đó lần lượt O bán chị M cho một người đàn ông Trung Quốc với số tiền 6 vạn nhân dân tệ (Tương đương 180.000.000 đồng); bán chị N cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Hà Văn L với số tiền 6,5 vạn nhân dân tệ (Tương đương 195.000.000 đồng) và đã đưa cho N số tiền 5 nghìn nhân dân tệ (Tương đương 15.000.000 đồng). Tổng số tiền Oanh được hưởng lợi sau khi bán chị M và chị N là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Xét có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Cụt Thị O đã phạm vào tội “Mua bán người” với các tình tiết định khung “Để đưa ra nước ngoài” và “Đối với nhiều người”, vi phạm điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Xét hành vi, tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo Cụt Thị O nguy hiểm cho xã hội, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì háo lợi mà bị cáo đã bất chấp truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ; gây bất bình, phẫn nộ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lô Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Cụt Thị O bồi thường, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Chị Lương Mẹ N có mặt tại phiên tòa, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm 90.000.000 đồng, nhưng trừ cho bị cáo đã đưa số tiền 15.000.000 đồng đã đưa trước đây. Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp 75.000.000 đồng. Bị cáo Cụt Thị O đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu cho chị Lương mẹ Nga.

Xét yêu cầu của người bị hại là yêu cầu chính đáng về thiệt hại danh dự, nhân phẩm. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Cụt Thị H, là người đã cho Lô Thị M mượn điện thoại di động để nói chuyện với Cụt Thị O. H không biết nội dung cuộc nói chuyện, không tham gia trao đổi, bàn bạc và không được hưởng lợi gì từ việc Cụt Thị O có hành vi bán Lô Thị M và Lương Mẹ N sang Trung Quốc nên không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Số tiền 360.000.000 đồng bị cáo Cụt Thị O thu lợi bất chính từ việc bán chị Lương Mẹ N và chị Lô Thị M, đáng lẽ cần phải truy thu từ bị cáo Cụt Thị O để nộp ngân sách nhà nước. Tại phiên tòa bị cáo khai sau khi chị Lương Mẹ N và chị Lô Thị M về nước, phía những người Trung quốc đã đến đòi tiền, bị cáo đã trả lại số tiền 360.000.000 đồng cho họ. Xét lời khai bị cáo chưa có căn cứ, nhưng điều kiện hiện nay bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng miền núi, không có tài sản, đang phải chấp hành án, do vậy miễn truy thu lại số tiền trên, như đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Cụt Thị O 6 (Sáu) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 01/8/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Cụt Thị O.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Cụt Thị O bồi thường thiệt hại cho chị Lương Mẹ N số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), đã trả trước 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) còn phải tiếp tục bồi thường 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Cụt Thị O phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THA tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; các bị hại; NBC;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thạch Hùng